

## BÁO CÁO

### Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trì

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/09/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn;

Căn cứ Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024;

Căn cứ Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024;

Căn cứ Chương trình số 425/CTr-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024;

Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trì báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn huyện, như sau:

#### I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Ủy ban Nhân dân huyện đã cụ thể hóa bằng Chương trình số 425/CTr-UBND ngày 26/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024; Đồng thời chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai sâu rộng trong cán bộ công chức của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn, cụ thể:

1. Việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP năm 2024 được coi là nhiệm vụ trọng tâm của các ngành, các xã, thị trấn; vì vậy, công tác tổ chức THPTK, CLP trọng tâm cần triển khai các nhiệm vụ:

Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đã được Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, tạo sự chuyển biến rõ rệt chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, chuyển giá; kiểm soát chặt chẽ và thực hiện điều hành chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được giao; thực hiện nghiêm kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm của địa phương; triệt để tiết kiệm



chi ngân sách theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, chủ động trong lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm; quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau; thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch và triệt để tiết kiệm, chống lãng phí từ khâu xác định nhiệm vụ. Công khai minh bạch và thực hiện triệt để tiết kiệm ngay từ khâu xác định nhiệm vụ. Quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau.

Tăng cường quản lý, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng, phân đấu giải ngân đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn năm 2024 được giao. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công theo đúng quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Chống lãng phí trong mua sắm tài sản công thông qua chế độ, tiêu chuẩn, định mức và việc triển khai đồng bộ, có hiệu quả các phương thức mua sắm tập trung, mua sắm thông qua mạng đấu thầu rộng rãi.

Triển khai công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh gọn, cơ cấu hợp lý, hiệu lực, hiệu quả.

Đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo THPTK, CLP từ cấp huyện đến cấp xã. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; người đứng đầu tổ chức sử dụng ngân sách địa phương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện THPTK, CLP. Căn cứ Chương trình tổng thể về THPTK, CLP năm 2024 của huyện, từng cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp lĩnh vực phụ trách, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm từng cán bộ, công chức, viên chức; nghiêm túc thực hiện chế độ công khai tài chính, tài sản, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và chấp hành chế độ báo cáo đúng thời gian quy định.

3. Thực hiện tuyên truyền sâu rộng và có hiệu quả các văn bản về chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ, Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/02/2014.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THPTK, CLP: Tổ chức thông tin, phổ biến pháp luật về THPTK, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến THPTK, CLP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị quán triệt, tập huấn để tuyên truyền, giáo dục sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong doanh nghiệp nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THPTK, CLP; qua đó, đã tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, có những hành động và việc làm cụ thể tạo sự chuyển biến thực sự trong lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, năng suất, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THPTK, CLP; bảo vệ

người cung cấp thông tin; tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt chú trọng nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc lãnh đạo, chỉ đạo THPT, CLP.

5. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức Đoàn thể để kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm về THPT, CLP. Đẩy mạnh giám sát đầu tư cộng đồng thông qua việc nâng cao hiệu quả của Ban Giám sát đầu tư cộng đồng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường vai trò của người dân trong việc theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư.

6. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra và xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THPT, CLP, đối với những vi phạm được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong THPT, CLP.

7. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan HCNN các cấp trong công tác cải cách TTHC theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện tốt việc niêm yết, đăng tải công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị và trên Cổng, trang thông tin điện tử.

## **II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### **1. Đánh giá kết quả đạt được theo từng lĩnh vực quy định trong Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

#### **1.1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước**

Thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ công tác phân bổ, điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước theo Điều 7, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, quản lý, sử dụng các khoản chi, bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được cấp thẩm quyền giao. Các đơn vị thực hiện tự chủ xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế quản lý nội bộ tại cơ quan đơn vị để mọi cán bộ, công chức, tuân thủ thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và có căn cứ giám sát thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ công chức, thực hiện công khai dân chủ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ công chức; quy định rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm người đứng đầu cơ quan tổ chức nếu xảy ra tham nhũng lãng phí theo quy định của pháp luật.

Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; tiết kiệm và cắt giảm bình quân 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác và dành nguồn phòng chống, khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu. Bổ sung kinh phí đối với nhiệm vụ

phát sinh trong năm thuộc nguồn NSNN phải đảm bảo khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc đã được phê duyệt chủ trương thực hiện; giao dự toán kinh phí chi ngân sách và có nguồn từ NSNN cho nhiệm vụ phát sinh đảm bảo tiết kiệm, ở mức tối thiểu cần thiết theo nội dung nêu trên.

Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí của đề tài nghiên cứu khoa học. Từng bước chuyển việc bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên sang thực hiện phương thức nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiên cứu; thực hiện khoán kinh phí theo kết quả đầu ra. Thực hiện công khai về nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước như: Công khai dự toán, quyết toán kinh phí đơn vị sử dụng ngân sách, nguồn quỹ nhân dân đóng góp, công khai quy hoạch, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản thông qua Hội đồng Nhân dân huyện theo đúng quy định. Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với 19/19 cơ quan quản lý hành chính nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, huyện có 10 xã, thị trấn thực hiện tự chủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập 42/42 đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm sự nghiệp giáo dục có 36 trường trực thuộc UBND huyện); Kết quả triển khai thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; các đơn vị tiết kiệm từ kinh phí giao khoán, giao tự chủ, tiết kiệm chi kinh phí hoạt động thường xuyên như: điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, công tác phí,... kinh phí tiết kiệm tăng thu nhập cho cán bộ công chức, viên chức năm 2024 là 4.568 triệu đồng.

Thực hiện Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg, ngày 09/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ hội họp trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước: Các ngành, các cấp luôn xem xét cân nhắc và lồng ghép nội dung triển khai hội nghị, nội dung thiết thực, xác định rõ thành phần, số lượng đại biểu tham dự, địa điểm, thời gian tổ chức gửi trước văn bản đề các ngành, các xã (TT) nghiên cứu, đóng góp bảo đảm tiết kiệm, có hiệu quả thiết thực. Tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Chỉ thị số 30/CT-TTg, ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, khánh tiết, hội nghị, công tác phí theo Công văn số 6890/BTC-HCSN, ngày 23/5/2012 của Bộ Tài chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp, hội nghị theo Công văn số 1672/CT.UBND-HC, ngày 15/11/2012 và Công văn số 873/CTUBND-HC, ngày 04/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; tăng quyền tự chủ và thúc đẩy xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự

ng nghiệp công lập. Triển khai việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời từng bước giảm chi hỗ trợ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập của viên chức trong sự nghiệp công lập.

Thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp về THTK, CLP, tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền cũng như thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP. Trong năm 2024, Thanh tra huyện tham mưu UBND huyện tiến hành thanh tra 03/03 cuộc, đạt 100% theo kế hoạch (trong đó: 02 cuộc thanh tra kinh tế - xã hội; 01 cuộc thanh tra trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân). Đã kết thúc và ban hành kết luận thanh tra 03/03 cuộc. Qua thanh tra đã thu hồi nộp hoàn ngân sách nhà nước số tiền là 418,272 triệu đồng.

## **1. 2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công**

Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Luật Ngân sách, Luật Xây dựng, các Nghị định, Thông tư và văn bản có liên quan hướng dẫn về đầu tư xây dựng cơ bản; Triển khai thực hiện ngay Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 khi được cấp thẩm quyền giao; đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải phóng mặt bằng; thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu thầu, áp dụng rộng rãi đấu thầu qua mạng, bảo đảm khách quan, công khai minh bạch. Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc.

Thực hiện đúng các thủ tục đấu thầu, công khai theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu và pháp luật có liên quan; thực hiện nghiêm túc các quy trình giám sát, quản lý chặt chẽ ngay từ khâu khảo sát, thiết kế giải pháp thi công, thẩm định dự án nhằm chống lãng phí; không để phát sinh thêm và xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản; tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của Nhà nước đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả.

Thực hiện tiết kiệm từ chủ trương đầu tư, chỉ quyết định chủ trương đầu tư các dự án có hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, đảm bảo 100% các dự án đầu tư công có đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công, từ đó thực hiện tiết kiệm từ 10% tổng mức đầu tư đề ra theo Nghị quyết 89/NQ-CP; giảm trong đấu thầu, bỏ chi phí nhà tạm, một số chi phí không thực hiện (kiểm toán, chi phí hạng mục chung). Kết quả năm 2024 tiết kiệm 2.450,316 triệu đồng.

Trong năm 2024, tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công; Kế hoạch đầu tư công năm 2024. Xây dựng và triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 – 2025. THTK, CLP thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quá trình đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu thông qua tăng cường đấu thầu rộng rãi, công khai, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư.

### **1.3 Trong quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia:**

Thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung của chương trình và dự toán được cấp thẩm quyền giao, đảm bảo đúng đối tượng, đúng tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/08/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

### **1.4. Quản lý, sử dụng tài sản công**

Tiến tục triển khai, thực hiện tốt Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Công văn số 330/UBND-TH ngày 05/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là đối với các cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, bảo đảm tài sản công sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định pháp luật về đấu giá khi bán, chuyển nhượng tài sản công.

Thực hiện quản lý, bảo trì, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng bảo đảm công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá.

Thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch; triển khai đồng bộ, có hiệu quả phương thức mua sắm tập trung theo Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; mua sắm qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Sử dụng tài sản công vào đúng mục đích theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản hướng dẫn nhằm phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản.

### **1.5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên**

#### **1.5.1 Lĩnh vực đất đai**

Tổ chức triển khai và công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Thạnh Trị được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 và phối hợp với đơn vị tư vấn thu thập thông tin, tài liệu có liên quan và đăng ký nhu cầu sử dụng đất đối với các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, điều chuyển công năng đất.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất 2025 của các ban, phòng, ngành và UBND các xã, thị trấn thống nhất số liệu, cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 hoàn chỉnh gửi hồ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định.

Triển khai Kế hoạch kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 đến nay đơn vị tư vấn đã phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực

hiện thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ có liên quan, khoanh vẽ,... phối hợp Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai một số quy định pháp luật về thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu.

Báo cáo rà soát, xử lý tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích trên địa bàn huyện, báo cáo kết quả rà soát và đề xuất phương án xử lý đối với đất của các điểm lẻ trường học có nguồn gốc do người dân, các cơ sở tôn giáo hiến tặng trên địa bàn huyện gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo thời gian quy định.

### **1.5.2. Lĩnh vực quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường**

Đầu năm đến nay UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra môi trường ở các xã, thị trấn theo kế hoạch UBND huyện phê duyệt kiểm tra tổng số 14 cơ sở, qua kiểm tra các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ không gây ô nhiễm môi trường. Các trường hợp giấy phép môi trường đã hết hạn đoàn kiểm tra cũng đã hướng dẫn cơ sở làm lại thủ tục cấp phép môi trường cho phù hợp với Luật Môi trường năm 2020.

Kiện toàn Tổ kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản, đất làm vật liệu thông thường và tổ chức kiểm tra xử lý đúng quy định pháp luật đồng thời chỉ đạo và giao phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu thành lập Đoàn kiểm tra làm rõ ý kiến phản ánh của người dân kiến nghị xử lý hành vi khai thác đất mặt (đất nông nghiệp) 01 trường hợp trái phép và đã xử lý vi phạm hành chính đúng quy định.

### **1.6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động**

Việc cải cách chế độ công vụ, công chức đã được các cơ quan Hành chính - Sự nghiệp huyện và xã, thị trấn tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó tập trung thực hiện, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử, phần mềm quản lý kế toán, tài sản tại đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch; Thực hiện chính sách tinh giản biên chế gắn với công tác đánh giá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Thực hiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 45/UBND-KH ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả như sau:

#### **1.6.1 Sắp xếp tổ chức bộ máy**

- Đối với cơ quan hành chính

Năm 2024 các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện không có sắp xếp, hiện có 12/12 cơ quan. Tổng số biên chế hiện có là 78/82, trong đó: Trưởng phòng 12, Phó Trưởng phòng 18, Chuyên môn 42.

- Đối với đơn vị sự nghiệp

Sự nghiệp Văn hóa – Thể thao: Có 01 đơn vị là Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền Thanh huyện, số biên chế hiện có mặt là 15/19.

Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: Từ đầu năm đến nay không có sắp xếp tổ chức, tổng số hiện có là 37/37 đơn vị trong đó: 01 Trung tâm Giáo dục nghề

nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện, số biên chế hiện có 11/11 và 36 trường học, số biên chế hiện có 1.132/1.285.

Sự nghiệp khác: Hiện có 04 đơn vị (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện; Đội Quản lý bến xe Thạnh Trị, Cơ sở sản xuất cung ứng cá và lúa giống, Ban quản lý Chợ Phú Lộc).

### **1.6.2 Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ**

Từ đầu năm đến nay đã thực hiện tinh giản biên chế 11 trường hợp (Viên chức Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện, Hội Chữ thập đỏ huyện, Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền Thanh huyện) với tổng số tiền: 2.422.580.000 đồng.

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số theo mục tiêu, nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP của chính phủ về Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính Phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhất là cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính; Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện sắp xếp theo đúng Đề án vị trí việc làm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, phát huy hết năng lực, sở trường, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về thời gian, nguồn lực lao động, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý, có hiệu quả.

### **2. Đánh giá kết quả đạt được**

Xác định công tác THPT, CLP là một trong những giải pháp quan trọng nhằm góp phần thực hiện tốt phát triển kinh tế của địa phương, thời gian qua, UBND huyện Thạnh Trị đã tích cực triển khai thực hiện công tác THPT, CLP đến cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên tuyên truyền phổ biến các Luật, Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân. Qua đó khắc phục những hạn chế góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tạo sự ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Các cơ quan, đơn vị, các xã thị trấn xây kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí phù hợp nhiệm vụ chuyên môn, lĩnh vực phụ trách; trên cơ sở đó thực hiện tốt các cơ chế quản lý tài chính mới; đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân



sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, xây dựng phương án chi trả thu nhập trên cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện tốt công tác công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025**

1. Tăng cường công tác chỉ đạo THPTK, CLP từ cấp huyện đến cấp xã. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; người đứng đầu tổ chức sử dụng ngân sách địa phương trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu THPTK, CLP; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện THPTK, CLP; xác định kết quả THPTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.1 Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Truyền Thanh huyện bố trí thời lượng, thu thập thông tin để tăng cường thông tin, phổ biến pháp luật và các văn bản có liên quan về THPTK, CLP trên phương tiện thông tin đại chúng như: Luật THPTK, CLP năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính. Quyết định số 1764/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 07/02/2024 của Tỉnh ủy Sóc Trăng; chuyên mục về thực hành THPTK, CLP, nêu gương tốt đối với các tổ chức, cá nhân điển hình trong thực hành THPTK, CLP trên từng các lĩnh vực; phê phán hành vi gây lãng phí trong sản xuất, kinh doanh, trong sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, tài nguyên thiên nhiên, trong lao động, các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ cũng như tiêu dùng của tất cả công dân.

2.2 Các ban, phòng, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và doanh nghiệp đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, thông tin liên quan đến thực hành THPTK, CLP bao gồm thông tin trên hệ thống truyền thanh của cấp xã.

3. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực THPTK, CLP, trong đó cần tập trung vào một số lĩnh vực sau:

#### **3.1 Về quản lý ngân sách nhà nước**

Điều hành dự toán ngân sách nhà nước theo hướng chủ động, chặt chẽ, tiết kiệm, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát chi, quản lý thu ngân sách nhà nước theo hướng thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát và thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước gắn việc phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị liên quan. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước.

#### **3.2 Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công**

Tiếp tục rà soát các dự án, kế hoạch ngay từ chủ trương đầu tư nhằm đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả. Trong việc thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thẩm định làm rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho từng chương trình, dự án cụ thể; bảo đảm dự án được phê

duyet có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện. Tập trung rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện quy hoạch, điều chỉnh các nội dung không phù hợp với tình hình và điều kiện mới để quy hoạch thực sự là cơ sở cho việc xây dựng các chương trình và kế hoạch đầu tư.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác số hoá quy trình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công, lập dự toán, quyết toán, quản lý, giám sát vốn đầu tư công. Công khai minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện dự án đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn, xử lý nghiêm theo quy định pháp luật đối với các chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

### **3.3 Về quản lý, sử dụng tài sản công**

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý tài sản công và nâng cấp Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công để từng bước cập nhật, quản lý thông tin của tất cả các tài sản công được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện tổng kiểm kê tài sản theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính và Sở Tài chính.

### **3.4 Về quản lý tài nguyên, khoáng sản**

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, nâng cao hiệu quả công tác dự báo, chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống, khắc phục thiên tai, khô hạn, xâm nhập mặn, ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai ở địa phương; nâng cao nhận thức, tuyên truyền về tăng trưởng xanh ở các cấp, các ngành; đồng thời, lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện tốt công tác xác định giá đất cụ thể trong bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

### **3.5 Về tổ chức bộ máy, quản lý lao động, thời gian lao động**

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên kiểm tra cải cách hành chính và thực thi công vụ của cán bộ công chức. Thường xuyên kiểm soát chất lượng thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, kịp thời chuyển tải thông tin tới người dân và doanh nghiệp về cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và công khai địa chỉ email, số điện thoại của các cơ quan, đơn vị để người dân, doanh nghiệp biết khi cần phản ánh.

Tiếp tục thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính; Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo công việc của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị theo đúng tinh thần Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục

vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 25/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các sở ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Thực hiện sắp xếp theo đúng đề án vị trí việc làm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đúng với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo, phát huy hết năng lực, sở trường, góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về thời gian, nguồn lực lao động, sử dụng lao động và thời gian lao động hợp lý, có hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 45/UBND-KH ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

4. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản quy định của pháp luật về THPT, CLP, đồng thời xây dựng kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra về phòng chống tham nhũng, lãng phí và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm từ đó góp phần siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ; tăng cường công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước theo Công văn số 2975/STC-TT, ngày 26/11/2012 của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng và Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 31/12/2021 về việc tăng cường công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan trên địa bàn huyện Thạnh Trị.

Trên đây là Báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn huyện Thạnh Trị.

**Nơi nhận:**

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các ban ngành cấp huyện;
- UBND các xã (TT);
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Thanh Chúc**



Phụ lục số 02

Mẫu biểu theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của huyện Thanh Trì

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LẮNG PHÍ**  
**Kỳ báo cáo: Năm 2024**

(Kèm theo Báo cáo số 322/BC-UBND ngày 28/11/2024 của Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trì)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	6	3	3	50	100	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng	144,820		418,272	289		
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng		-	-			
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	5.642		4.568	81		Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	71		71	100		
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		6		6	100		
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	6		6	100		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
<b>IV</b>	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	2.038		2.450,316	120	-	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	2.038		2.450,316	120		
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng						
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc	m2	68.481		60.601	88		
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	68.481		68.481	100		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2			-7.880			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ		965		965	100		
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	965		965	100		
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước 7=6/4(%)	So sánh với kế hoạch 8=6/5(%)	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
<b>VIII</b>	<b>Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP</b>							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

